



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về công ty

Giấy phép Đầu tư số

414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011

do Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị

Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
Ông Shen Shang Hung	Thành viên
Ông Shen San Yi	Thành viên
Ông Wang Ting Shu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh

Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giàng
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Biên bản Kiểm toán số: 11-01-192



Nguyễn Văn Thành Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		503.417.219.133	602.613.060.087
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	125.050.507.299	188.699.721.924
Đầu tư ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
Các khoản phải thu	130		165.327.908.022	205.107.572.233
Phải thu khách hàng	131		165.461.517.756	205.034.587.108
Trả trước cho người bán	132		465.321.753	393.458.600
Các khoản phải thu khác	135		299.938.433	578.396.445
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(898.869.920)	(898.869.920)
Hàng tồn kho	140	4	204.903.496.242	197.092.602.553
Hàng tồn kho	141		206.851.281.428	201.837.022.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.947.785.186)	(4.744.419.945)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.135.307.570	9.713.163.377
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		895.153.894	729.867.477
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.987.838.176	6.865.963.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	154		-	1.598.632.287
Tài sản ngắn hạn khác	158		252.315.500	518.700.000
Tài sản dài hạn	200		167.952.582.257	182.456.296.949
Tài sản cố định	220		163.083.409.751	177.376.863.272
Tài sản cố định hữu hình	221	5	158.481.797.349	177.341.576.572
Nguyên giá	222		431.762.746.429	427.684.518.913
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(273.280.949.080)	(250.342.942.341)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	6	4.601.612.402	35.286.700
Tài sản dài hạn khác	260		4.869.172.506	5.079.433.677
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	3.043.343.979	3.031.797.453
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8	1.825.828.527	2.047.636.224
TỔNG TÀI SẢN	270		671.369.801.390	785.069.357.036

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

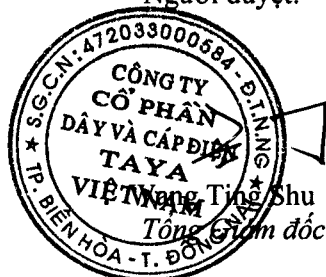
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		428.019.235.734	572.289.821.497
Nợ ngắn hạn	310		427.751.446.861	571.960.481.474
Vay ngắn hạn	311	9	312.152.126.303	357.304.741.548
Phải trả người bán	312	10	90.196.727.226	167.877.879.000
Người mua trả tiền trước	313		13.068.225.554	31.863.615.553
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	4.698.421.775	8.459.377.712
Phải trả người lao động	315		5.914.946.314	4.520.045.585
Chi phí phải trả	316		1.652.461.368	1.649.756.374
Các khoản phải trả khác	319		68.538.321	285.065.702
Nợ dài hạn	330		267.788.873	329.340.023
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	12	267.788.873	329.340.023
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.350.565.656	212.779.535.539
Vốn chủ sở hữu	410		243.350.565.656	212.779.535.539
Vốn cổ phần	411	13	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	412	13	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	14	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(56.943.974.300)	(87.515.004.417)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		671.369.801.390	785.069.357.036

Người lập:



Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

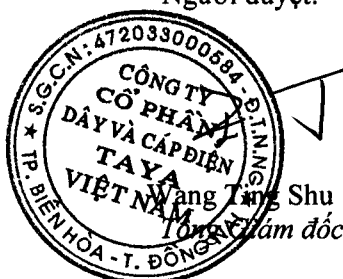
	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	15	1.318.267.201.905	1.096.841.476.508
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.683.718.208)	(1.338.937.441)
Doanh thu thuần	10		1.316.583.483.697	1.095.502.539.067
Giá vốn hàng bán	11		(1.178.006.826.469)	(988.091.708.290)
Lợi nhuận gộp	20		138.576.657.228	107.410.830.777
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	15.919.931.770	9.568.419.973
Chi phí tài chính	22	17	(78.558.742.149)	(59.066.606.569)
Chi phí bán hàng	24		(19.608.289.051)	(18.367.739.545)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.588.826.788)	(22.890.312.985)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.740.731.010	16.654.591.651
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		7.864.864.372	6.032.470.319
Chi phí khác	32		(3.205.295.090)	(786.562)
Lợi nhuận trước thuế	50		33.400.300.292	22.686.275.408
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	(2.607.462.478)	-
(Chi phí)/ lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	18	(221.807.697)	338.880.290
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		30.571.030.117	23.025.155.698
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.096	826

Người lập:



Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

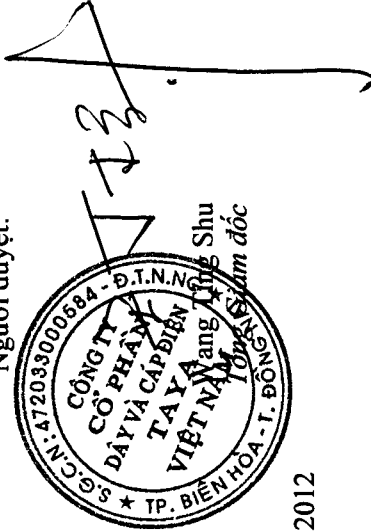
	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	279.013.770.637	(272.840.000)	21.141.803.086	(110.128.353.882)	189.754.379.841
Phân bổ vào các quỹ	-	-	411.806.233	(411.806.233)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	23.025.155.698	23.025.155.698
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(87.515.004.417)	212.779.535.539
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.571.030.117	30.571.030.117
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(56.943.974.300)	243.350.565.656

Người lập:



Hung Chung Ming
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



The stamp contains the following text: S.G.C.N.: 172039000584 - Đ.T.N.N. CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM, TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI. The signature is written over the stamp.

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		33.400.300.292	22.686.275.408
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		27.136.014.516	29.859.780.131
Các khoản dự phòng	03		1.852.075.019	2.407.224.176
(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.305.507.433)	2.405.654.455
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(124.965.790)	(16.631.100)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(10.163.807.763)	(9.242.177.545)
Chi phí lãi vay	06		14.347.719.746	15.249.607.515
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		65.141.828.587	63.349.733.040
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		41.637.974.718	(109.050.561.172)
Biến động hàng tồn kho	10		(9.662.968.708)	(23.160.400.974)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(101.387.220.742)	158.599.201.763
			(4.270.386.145)	89.737.972.657
Tiền lãi vay đã trả	13		(14.349.204.046)	(15.125.048.162)
Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(435.657.354)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(18.619.590.191)	74.177.267.141
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(12.981.934.692)	(5.972.742.514)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		252.792.961	16.631.100
Tiền thu từ các khoản đầu tư khác	25		2.000.000.000	(1.957.600.000)
Thu lãi tiền gửi	27		9.883.353.063	9.242.177.545
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30		(845.788.668)	1.328.466.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

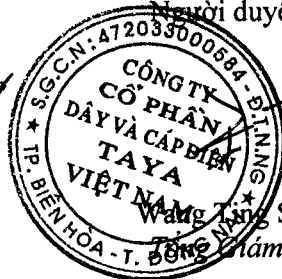
	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		545.438.418.231	585.959.810.578
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(589.622.253.997)	(596.247.877.000)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(44.183.835.766)	(10.288.066.422)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(63.649.214.625)	65.217.666.850
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		188.699.721.924	123.482.055.074
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	125.050.507.299	188.699.721.924

Người lập:



Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Tang Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 432 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 467 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Đồ đạc và trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế này liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm theo thuế suất được ban hành vào ngày lập bảng cân đối kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có sự không chắc chắn đáng kể liên quan khả năng thu hồi công nợ hoặc có khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là bán cáp điện và bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	1.341.682.800	892.184.200
Tiền gửi ngân hàng	55.380.016.111	63.791.182.159
Các khoản tương đương tiền	68.328.808.388	124.016.355.565
	<hr/>	<hr/>
	125.050.507.299	188.699.721.924

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 2.996 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 12.602 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi trên đường	45.559.274.464	46.643.876.869
Nguyên vật liệu	38.823.258.908	28.023.834.261
Sản phẩm dở dang	50.847.636.875	32.048.791.312
Thành phẩm	71.621.111.181	95.120.520.056
	<hr/>	<hr/>
	206.851.281.428	201.837.022.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.947.785.186)	(4.744.419.945)
	<hr/>	<hr/>
	204.903.496.242	197.092.602.553
	<hr/>	<hr/>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	4.744.419.945	4.576.774.437
Tăng dự phòng trong năm	1.852.075.019	2.400.721.891
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.648.709.778)	(2.233.076.383)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.947.785.186	4.744.419.945
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	144.621.202.869	263.453.816.996	8.632.627.892	3.215.122.757	7.761.748.399	427.684.518.913
Tăng trong năm	-	3.825.643.660	15.608.727	53.302.727	-	3.894.555.114
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	114.270.739	4.003.098.636	-	-	-	4.117.369.375
Thanh lý	-	(3.922.743.348)	-	-	(10.953.625)	(3.933.696.973)
Số dư cuối năm	144.735.473.608	267.359.815.944	8.648.236.619	3.268.425.484	7.750.794.774	431.762.746.429
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	56.781.708.367	177.687.830.802	7.965.627.329	2.274.702.636	5.633.073.207	250.342.942.341
Khấu hao trong năm	5.683.279.978	19.182.858.963	374.702.364	323.648.091	1.179.387.145	26.743.876.541
Thanh lý	-	(3.794.916.177)	-	-	(10.953.625)	(3.805.869.802)
Số dư cuối năm	62.464.988.345	193.075.773.588	8.340.329.693	2.598.350.727	6.801.506.727	273.280.949.080
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	87.839.494.502	85.765.986.194	667.000.563	940.420.121	2.128.675.192	177.341.576.572
Số dư cuối năm	82.270.485.263	74.284.042.356	307.906.926	670.074.757	949.288.047	158.481.797.349

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản với nguyên giá 142.963 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 123.150 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

6. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	35.286.700	-
Tăng trong năm	8.683.695.077	2.524.944.106
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.117.369.375)	(2.489.657.406)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.601.612.402	35.286.700
	<hr/>	<hr/>

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.822.849.291	1.208.948.162	3.031.797.453
Tăng trong năm	-	403.684.501	403.684.501
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(335.289.415)	(392.137.975)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.766.000.731	1.277.343.248	3.043.343.979
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản cố định	248.815.292	207.346.077
Các khoản dự phòng	426.998.266	846.492.724
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	731.742.825	731.742.825
Khác	418.272.144	262.054.598
	<hr/>	<hr/>
	1.825.828.527	2.047.636.224
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	45.028.447	3.377.134	75.144.507	5.635.838
Lỗi tính thuế	68.942.633.436	10.903.997.065	107.127.284.349	15.247.187.653
	68.987.661.883	10.907.374.199	107.202.428.856	15.252.823.491

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2013	Chưa quyết toán	7.436.198.821
2014	Chưa quyết toán	61.506.434.615
		68.942.633.436

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

9. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	312.152.126.303	351.531.641.212
Vay dài hạn đến hạn trả	-	5.773.100.336
	312.152.126.303	357.304.741.548

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR+1,15%	26.557.719.066	16.185.429.687
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội	10.000.000 USD	SIBOR+1,15%	-	22.453.493.044
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5.000.000 USD	SIBOR 6 tháng +1,15%	58.234.967.198	84.423.245.528
Mega International Commercial bank – Ho Chi Minh Branch (b)	1.200.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	19.969.600.848	11.312.938.711
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	45.387.114.798	56.718.843.391
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (c)	1.500.000 USD	4,5%	16.990.426.212	16.295.867.426
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	2.800.000 USD	SIBOR+1%	-	42.294.604.654
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Hà Nội (b)	2.800.000 USD	SIBOR+1%	46.863.000.000	-
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 1 tháng + 1%	22.361.138.668	26.999.071.544

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,5%	26.766.476.444	22.669.258.018
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 0,55%	18.395.608.685	52.178.889.209
Ngân hàng Thương Hải – Hồng Kông (b)	2,000,000 USD	4,4%	30.626.074.384	-
			312.152.126.303	351.531.641.212

- a. Khoản vay thể hiện 2 khoản tín dụng mỗi khoản 2.000.000 USD. Khoản tín dụng này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Khoản vay được đảm bảo bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- c. Khoản vay không được đảm bảo.

10. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ)	76.820.796.564	156.231.824.649

Khoản phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	42.430.188	7.998.403.817
Thuế thu nhập cá nhân	574.760.410	460.973.895
Thuế nhập khẩu	13.381.926	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.008.830.191	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Các khoản phải nộp khác	3.059.019.060	-
	<hr/> 4.698.421.775	<hr/> 8.459.377.712

12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	329.340.023
Dự phòng sử dụng trong năm	(61.551.150)
	<hr/>
Số dư cuối năm	267.788.873

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đóng 149 triệu VND (2010: 126 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

13. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

14. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

15. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Thu lãi tiền gửi	10.163.807.763	9.242.177.545
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.756.124.007	326.242.428
	<hr/>	<hr/>
	15.919.931.770	9.568.419.973
	<hr/>	<hr/>

17. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	14.347.719.746	15.249.607.515
Lỗ chênh lệch tỷ giá	64.211.022.403	43.816.999.054
	<hr/>	<hr/>
	78.558.742.149	59.066.606.569
	<hr/>	<hr/>

18. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.607.462.478	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	221.807.697	(338.880.290)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập	2.829.270.175	(338.880.290)
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	33.400.300.292	22.686.275.408
Thuế tính theo thuế suất Công ty	5.010.045.044	3.402.941.311
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.093.755.247	586.448.583
Ưu đãi thuế	(1.735.080.956)	(362.892.403)
Biến động các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không được ghi nhận	(152.036.252)	(101.124.920)
Ảnh hưởng của thuế suất khác	331.767.793	53.380.379
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.326.643.179)	(3.673.486.586)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.607.462.478	-
Ghi nhận lỗ tính thuế không được ghi nhận trước đây	-	(244.146.654)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.829.270.175	(338.880.290)

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là 5 năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

19. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	30.571.030.117	23.025.155.698
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	30.571.030.117	23.025.155.698

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: Không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Taya Taiwan Electric Wire and Cable Co. Ltd., các thành viên hội đồng quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng tiền thưởng và phụ cấp công việc trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	2011 VND	2010 VND
Ban Giám đốc	1.519.297.960	1.232.562.000
Hội đồng Quản trị	3.295.579.150	2.925.835.000
	<hr/>	<hr/>
	4.814.877.110	4.158.397.000

Trong năm còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	993.760.621.422	855.620.118.258
Phí bản quyền	1.661.787.432	1.250.132.012
	<hr/>	<hr/>

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0.1% trên doanh thu thuần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

21. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	3.019.923.451	2.531.057.000
Từ hai đến năm năm	12.327.175.363	11.548.088.091
Trên năm năm	70.348.390.717	70.641.764.825
	85.695.489.531	84.720.909.916

Chi phí thuê hàng năm bao gồm 3 khoản sau :

- Phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê tối thiểu hàng năm là 105.247 Đô la Mỹ bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 28.445 Đô la Mỹ cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ 5 năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 630 triệu VND trong 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.
- Phí thuê đất ở tại tỉnh Hải Dương là 5.957 Đô la Mỹ từ năm thứ 8 sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.098.547.585.283	934.487.884.030
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	41.082.802.123	34.102.029.659
Chi phí khấu hao và phân bổ	27.136.009.516	29.859.780.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.520.971.041	24.052.936.441
Các chi phí khác	25.853.486.938	32.717.352.396

23. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Công ty đã chịu những rủi ro sau đây từ việc sử dụng các công cụ tài chính của mình:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường
- rủi ro ngoại tệ

Thuyết minh này trình bày thông tin về trạng thái rủi ro của Công ty đối với mỗi loại rủi ro nói trên, mục tiêu, chính sách của Công ty, và các quy trình xác định và quản lý rủi ro, và quản lý vốn của Công ty. Các trình bày mang tính định lượng khác cũng được bao gồm trong suốt báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc chịu toàn bộ trách nhiệm cho việc thiết lập và giám sát cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách để xác định và phân tích những rủi ro mà Công ty gặp phải, nhằm thiết lập các hạn mức và kiểm soát rủi ro phù hợp, và để quản lý những rủi ro và việc tuân thủ hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được kiểm tra thường xuyên nhằm phản ánh những biến động tình hình thị trường và hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực và quy trình quản lý và đào tạo, Ban Giám đốc muốn phát triển một môi trường kiểm soát mang tính chất xây dựng và có kỷ luật trong đó mọi nhân viên đều hiểu vai trò và nghĩa vụ của mình.

(a) Rủi ro tín dụng

Đây là rủi ro về lỗ tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác liên quan đến công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ của hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá tiền và các khoản tương đương tiền có mức rủi ro tín dụng thấp.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Công ty thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tuổi nợ của phải thu khách hàng tại ngày lập báo cáo là:

	Gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	19.412.551.647	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	84.822.770.176	-
Quá hạn từ 31 – 120 ngày	55.720.409.898	-
Quá hạn trên 121 ngày	5.505.786.035	898.869.920
	165.461.517.756	898.869.920

Không có biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm.

(b) Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro mà Công ty sẽ không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chính sách của Công ty là quản lý thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến để đảm bảo rằng Công ty vẫn duy trì lượng tiền và hạn mức quỹ cam kết từ ngân hàng để đáp ứng yêu cầu ngắn và dài hạn.

Sau đây là phân loại các khoản nợ tài chính phi phái sinh theo thời điểm đáo hạn của hợp đồng, bao gồm các khoản chi trả lãi vay:

31/12/2011	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	6 tháng hoặc ít hơn VND	6-12 tháng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	97.832.673.229	97.832.673.229	97.832.673.229	-
Vay ngân hàng	312.152.126.303	318.035.252.612	242.470.067.898	75.565.184.714
	409.984.799.532	415.867.925.841	340.302.741.127	75.565.184.714

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động giá thị trường như lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty hoặc giá trị các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ. Mục đích của quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường trong những giới hạn có thể chấp nhận được, đồng thời tối đa hoá lợi nhuận.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Mức độ rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các tài sản và nợ tài chính chịu lãi.

Tài sản tài chính chịu lãi

Tiền gửi thế chấp ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn sau 3 tháng không được giữ vì mục đích đầu cơ nhưng vì mục đích tiền lời cao hơn tiền gửi ngân hàng.

Nợ phải trả tài chính chịu lãi

Nợ phải trả tài chính chịu lãi bao gồm các khoản vay ngân hàng. Các khoản vay lãi suất thả nổi của Công ty có rủi ro biến động dòng tiền và các khoản vay lãi suất cố định có rủi ro biến động giá trị hợp lý do biến động lãi suất. Lãi suất và các điều khoản hoàn trả của các khoản vay chịu lãi từ ngân hàng của Công ty được trình bày trong thuyết minh số 9.

Công ty quản lý trạng thái rủi ro lãi suất thuần bằng cách duy trì hạn mức tín dụng để đạt được chi phí vay có thể chấp nhận được bằng cách theo dõi thường xuyên trạng thái rủi ro. Ban Giám đốc không thực hiện các nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro lãi suất do Ban Giám đốc xét thấy rằng chi phí của các công cụ này tốn kém hơn rủi ro tiềm tàng của biến động lãi suất.

Tại ngày lập báo cáo danh mục lãi suất của các công cụ tài chính có phát sinh lãi của Công ty như sau:

31/12/2011
VND

Công cụ với lãi suất cố định

Tài sản tài chính 123.708.824.499

Công cụ với lãi suất thả nổi

Nợ phải trả tài chính (312.152.126.303)

Đánh giá độ nhạy cảm giá trị hợp lý đối với công cụ lãi suất cố định

Công ty không hạch toán bất kỳ tài sản và nợ phải trả tài chính nào theo giá trị hợp lý qua kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn trong năm. Do đó sự biến động lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn trong năm.

Đánh giá độ nhạy cảm dòng tiền đối với công cụ lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ dẫn đến tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh theo khoản tiền được thể hiện dưới đây. Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

31/12/2011	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	tăng 100bp	giảm 100bp	tăng 100bp	giảm 100bp
Công cụ lãi suất thả nổi	(495.864.912)	495.864.912	(495.864.912)	495.864.912
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(495.864.912)	495.864.912	(495.864.912)	495.864.912

(d) Rủi ro ngoại tệ

Công ty chịu rủi ro ngoại hối đối với các giao dịch bán, mua và vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND. Loại tiền tệ dẫn đến rủi ro này chủ yếu là USD.

Công ty đảm bảo rằng trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức độ có thể chấp nhận bằng việc mua hoặc bán ngoại hối theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để giải quyết sự mất cân bằng tạm thời. Ban Giám đốc không thực hiện các nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro ngoại tệ do Ban Giám đốc xét thấy rằng chi phí của các công cụ này tốn kém hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Trạng thái rủi ro ngoại hối

Trạng thái rủi ro ngoại hối của Công ty chủ yếu là USD và với số dư tương đương VND như sau:

31/12/2011	VND
Tiền gửi ngân hàng	2.996.847.851
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.428.971.979
Khoản vay chịu lãi	(312.152.126.303)
Phải trả người bán và phải trả khác	(76.840.727.519)
Trạng thái gộp trên bảng cân đối kế toán	(349.567.033.992)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	31/12/2011 VND
USD	20.828

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đánh giá độ nhạy cảm

Sự yếu đi 5% của đồng VND đối với đồng USD vào thời điểm cuối năm có thể làm giảm khoản lợi nhuận trình bày dưới đây. Đánh giá này giả sử tất cả các tham biến khác, cụ thể là lãi suất, không thay đổi.

	2011 VND
Giảm lợi nhuận thuần	<u>(15.253.321.026)</u>

Sự mạnh thêm 5% của đồng VND đối với tiền tệ nói trên có thể có cùng mức tác động nhưng ngược chiều đối với các khoản tiền trình bày trên, dựa trên cơ sở tất cả các tham biến khác không thay đổi.

(e) Giá trị hợp lý

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý đối với mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Giá trị ghi sổ gần bằng với giá trị hợp lý tương ứng do các công cụ này đáo hạn trong ngắn hạn.

Các khoản vay ngân hàng

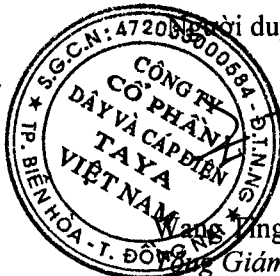
Giá trị ghi sổ của các khoản vay xấp xỉ giá trị hợp lý dựa trên tỷ suất vay hiện tại của các khoản vay ngân hàng với các điều khoản và thời gian đáo hạn tương tự.

Người lập:



Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Jing Shu
Giám đốc



Ngày 14 tháng 3 năm 2012

